

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai thu, chi ngân sách năm 2024 xã Quyết Thắng

Hôm nay vào lúc 15h00, ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở UBND xã Quyết Thắng, chúng tôi gồm có:

I. Đại diện UBND xã Quyết Thắng

- | | |
|------------------------------|------------------------------|
| 1. Bà: Hà Thị Thạch | Chức vụ: Q. Chủ tịch UBND xã |
| 2. Bà: Ma Thị Mùi | Chức vụ: Công chức kế toán |
| 3. Bà: Trương Thị Hương Bình | Chức vụ: Công chức văn phòng |

1. Thực hiện niêm yết công khai Thu – Chi Ngân sách năm 2024 của UBND xã Quyết Thắng với các nội dung sau:

2. Hình thức niêm yết:

Địa điểm niêm yết:

Đăng tải trên công thông tin điện tử của xã Quyết Thắng

Bảng tin trụ sở làm việc Đảng ủy – HĐND - UBND xã.

Thời gian bắt đầu niêm yết: Từ ngày 08 tháng 01 năm 2025

Thời điểm kết thúc niêm yết: Hết ngày 07 tháng 02 năm 2025

Nơi tiếp nhận phản hồi (nếu có): Văn phòng UBND xã Quyết Thắng./.

Biên bản lập xong hồi 16h30' ngày 08/01/2025, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua và ký xác nhận./.

VĂN PHÒNG THÔNG KÊ

Trương Thị Hương Bình

Trương Thị Hương Bình

ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN

Q. CHỦ TỊCH


Hà Thị Thạch

CÔNG CHỨC TÀI CHÍNH KT

Ma Thị Mùi

Ma Thị Mùi

Số: 09 /QĐ-UBND

Quyết Thắng, ngày 08 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thu, chi ngân sách Xã Quyết Thắng năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUYẾT THẮNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 11888 /QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội năm 2024 thành phố Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Bộ phận tài chính xã Quyết Thắng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thu, chi ngân sách xã Quyết Thắng năm 2024 (Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng HĐND&UBND xã bộ phận Kế toán ngân sách tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC- KH thành phố TN;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- MTTQ, các ban ngành đoàn thể xã;
- Các xóm;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Q. CHỦ TỊCH



Hà Thị Thạch

UBND Xã Quyết Thắng
Mã QHNS: 1031993

Biểu số 113/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

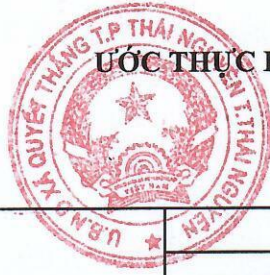


CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	26.450.725.538	28.357.054.720	107,21
1.	Các khoản thu 100%	103.000.000	670.148.350	650,63
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.295.828.000	1.811.997.934	139,833
3.	Thu chuyển nguồn	17.943.556.808	17.943.556.808	100,000
4.	Thu kết dư	823.010.898	823.010.898	100,000
5.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.108.340.730	7.108.340.730	100,00
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.842.724.730	4.842.724.730	100,00
	- Bổ sung có mục tiêu	2.265.616.000	2.265.616.000	100
II.	Tổng số chi	27.981.862.773	10.121.383.155	36,17
1.	Chi đầu tư phát triển	2.461.147.618	2.048.709.000	83,24
2.	Chi thường xuyên	8.625.812.155	8.022.108.155	93,00
3.	Chi chuyển nguồn CCTL	16.764.078.000	-	-
4.	Dự phòng	130.825.000	50.566.000	38,65



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	6.215.000.000	26.450.725.538	35.424.831.058	28.357.054.720	569,99	107,21
I. Các khoản thu 100%	103.000.000	103.000.000	741.263.239	676.497.841	719,67	656,79
- Phí, lệ phí	40.000.000	40.000.000	47.750.000	47.750.000	119,38	119,38
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định			88.088.000	88.088.000		
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			480.000.000	480.000.000		
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	53.000.000	53.000.000	51.300.000	51.300.000	96,79	96,79
- Thu khác	10.000.000	10.000.000	74.125.239	9.359.841	741,25	93,60
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	6.112.000.000	1.295.828.000	8.808.659.383	1.805.648.443	144,12	139,34
I. Các khoản thu phân chia	1.773.000.000	391.700.000	2.288.520.800	444.868.388	129,08	113,57
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	363.000.000	181.500.000	362.552.292	181.276.181	99,88	99,88
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.051.000.000	210.200.000	1.385.045.943	263.592.207	131,78	125,40
- Thuế TNCN từ hộ	359.000.000		540.922.565		150,67	
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	4.339.000.000	904.128.000	6.520.138.583	1.360.780.055	150,27	150,51
- Thuế giá trị gia tăng	746.000.000	214.848.000	1.147.246.591	329.673.728	153,79	153,45
- Thuế TNDN			2.546.875			
- Thuế thu nhập cá nhân từ đất	3.590.000.000	689.280.000	5.370.345.117	1.031.106.327	149,59	149,59
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.000.000					
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)			0			
IV. Thu chuyển nguồn		17.943.556.808	17.943.556.808	17.943.556.808		100,00
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			823.010.898	823.010.898		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		7.108.340.730	7.108.340.730	7.108.340.730		100,00
- Bổ sung cân đối ngân sách		4.842.724.730	4.842.724.730	4.842.724.730		100,00
- Bổ sung có mục tiêu		2.265.616.000	2.265.616.000	2.265.616.000		100,00



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ
Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	27.851.037.773	2.461.147.618	25.389.890.155	10.121.383.319	2.048.709.000	8.072.674.319	31,79	83,24	31,79
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	898.981.000		898.981.000	894.668.622		894.668.622	99,52		99,52
- Chi dân quân tự vệ	508.305.000		508.305.000	504.980.822		504.980.822	99,35		99,35
- Chi trật tự an toàn xã hội	390.676.000		390.676.000	389.687.800		389.687.800	99,75		99,75
2. Chi giáo dục				0			0,00		
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ				0			0,00		
4. Chi y tế	91.778.400		91.778.400	91.778.400		91.778.400	100,00		100,00
5. Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	32.750.000		32.750.000	93,57		93,57
6. Chi sự nghiệp kinh tế	35.000.000		35.000.000	0			0,00		
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	25.000.000		25.000.000	100,00		100,00
8. Chi bảo vệ môi trường				0					
9. Chi các hoạt động kinh tế				0					
- Giao thông				0					
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản				0					
- Thị chính				0					
- Thương mại, du lịch				0					
- Các hoạt động kinh tế khác				0					
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	7.099.925.755		7.409.227.755	6.977.911.297		6.977.911.297	94,18		94,18
Trong đó: Quỹ lương	7.099.925.755		7.409.227.755	6.712.097.297		6.712.097.297	90,59		90,59
10.1. Quản lý nhà nước	4.996.210.155		4.996.210.155	4.685.709.365		4.685.709.365	93,79		93,79
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	803.120.000		803.120.000	766.094.282		766.094.282	95,39		95,39
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	428.088.000		428.088.000	425.216.190		425.216.190	99,33		99,33
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	176.688.000		176.688.000	162.612.624		162.612.624	92,03		92,03
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	181.688.000		181.688.000	179.576.776		179.576.776	98,84		98,84
10.7. Hội Cựu chiến binh	151.688.000		151.688.000	144.425.620		144.425.620	95,21		95,21
10.8. Hội Nông dân	176.688.000		176.688.000	163.706.840		163.706.840	92,65		92,65
10.9. Hội Chữ Thập đỏ+người cao tuổi+KH	117.135.600		117.135.600	116.377.200		116.377.200	99,35		99,35
10.10. Chi các hội đặc thù	68.620.000		68.620.000	68.378.400		68.378.400	99,65		99,65
11. Chi cho công tác xã hội	309.302.000		309.302.000	265.814.000		265.814.000	85,94		85,94
12. Dự phòng	130.825.000		130.825.000	50.566.000		50.566.000	38,65		38,65
13. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	16.764.078.000		16.764.078.000						

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH XÃ QUYẾT THẮNG NĂM 2024**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 11888/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2024 thành phố Thái Nguyên;

1. Thu ngân sách năm 2024

- Dự toán thu ngân sách nhà nước xã Quyết Thắng được giao năm 2024 là: 6.215.000.000đồng. Kết quả thực hiện năm 2024 đạt: 8.981.834.622đồng, bằng 144% kế hoạch giao.

- Dự toán thu ngân sách xã Quyết Thắng được giao năm 2024 (bao gồm cả chuyển nguồn và bổ sung có mục tiêu) là: 26.450.725.538 đồng. Kết quả thực hiện năm 2024 đạt: 28.537.054.720 đồng, bằng 107,21% kế hoạch giao.

Trong đó:

- Thu điều tiết được hưởng đạt: 1.914.058.284đồng, bằng 136,83% kế hoạch
- Thu bổ sung cân đối đạt: 7.108.340.730 đồng, bằng 100% kế hoạch

2. Chi ngân sách năm 2024

- Dự toán chi ngân sách năm 2024 (bao gồm cả bổ sung và chuyển nguồn) là: 27.851.037.773đồng đạt 97,82%

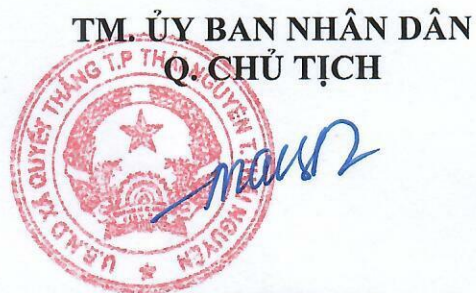
- Chi thường xuyên đạt: 8.072.674.319 đồng, bằng 93,59% kế hoạch giao.
- Chi đầu tư đạt: 2.461.147.618 đồng đạt 83,24%

- Chi chuyển nguồn CCTL: 16.764.078.136đ

Trong năm 2024, UBND xã thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của nhà nước đảm bảo các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH TPTN;
- TT ĐU, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND;
- Lưu: VP, KT.



Hà Thị Thạch